

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 464/2023/KDTM-ST

Ngày: 05/7/2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Đăng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

Ông Nguyễn Ngọc Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại sơ thẩm thụ lý số 565/2022/TLST-KDTM ngày 27/7/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-KDTM ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Tư vấn Xây dựng QT

Trụ sở: Đường B, Phường H, Quận T, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Cao Vĩnh Hào. Chủ tịch Hội đồng thành viên

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H. Giấy ủy quyền số 08/UQ/ĐKKD-ICCI-2022 ngày 01/7/2023

Địa chỉ: Đường L, Phường T, Thành phố T, Thành phố H

(có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư B

Trụ sở: Đường Đ, Phường C, Quận P, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật:

+ Ông Lê Đăng M – Chủ tịch hội đồng quản trị

Thường trú: Thị trấn H, Huyện H, Tỉnh T

+ Ông Nguyễn Đình L – Giám đốc

Thường trú: Đường M, Phường M, Quận G, Thành phố H

(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08/6/2022 và các lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 01/4/2018 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Tư vấn Xây dựng QT (gọi là Công ty QT) và Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư B (gọi là Công ty B) ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 37/HĐNT/2018/ICCI-415 về việc mua bán phụ gia bê tông.

Thực hiện hợp đồng, Công ty QT đã giao đầy đủ số lượng theo yêu cầu của Công ty B và đảm bảo chất lượng hàng hóa. Tuy nhiên Công ty B đã vi phạm điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Cho đến nay Công ty B còn nợ số tiền là 377.850.000 đồng. Mặc dù Công ty QT đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán, Công ty B vẫn chưa thanh toán. Việc này gây thiệt hại cho Công ty QT.

Tại đơn khởi kiện, Công ty QT yêu cầu Công ty B trả số tiền mua hàng còn thiếu là 377.850.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 133.192.125 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty QT thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Công ty B phải thanh toán tiền mua hàng còn thiếu 377.850.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 05/7/2023 là 110.862.240 đồng phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số 37/HĐNT/2018/ICCI-415 ngày 01/4/2018.

* Đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Hồ sơ thể hiện Công ty B xác nhận còn nợ số tiền mua hàng của Công ty QT. Căn cứ Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty QT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng mua bán. Căn cứ khoản 1 Điều 3 của Luật Thương mại năm 2005, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của bị đơn:

Theo kết quả xác minh Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty B đặt trụ sở tại địa chỉ Đường Đ, Phường C, Quận P, Thành phố H, người đại diện theo pháp luật ông Lê Đăng M, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Đình L, chức danh Giám đốc.

Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại địa chỉ trụ sở công ty và nơi cư trú của ông M, ông L về việc triệu tập Công ty B tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm lần 1 ngày 08/6/2023 và phiên tòa hôm nay. Tuy nhiên, đại diện hợp pháp của Công ty B vắng mặt không có lý do chính đáng.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của Công ty B.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét Hợp đồng nguyên tắc số 37/HĐNT/2018/ICCI-415 ngày 01/4/2018 được ký kết giữa Công ty QT do ông Phan Xuân L2 đại diện và Công ty B do ông Mai Lê A đại diện.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 05/02/2015, Công ty B có ông Mai Lê A là đại diện theo pháp luật, chức danh Giám đốc.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty QT đã thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng nguyên tắc nêu trên. Tại đơn khởi kiện, đại diện theo pháp luật của Công ty B là ông Cao Vĩnh H2, chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên biết và công nhận về việc ký kết hợp đồng giữa Công ty QT và Công ty B.

Căn cứ khoản 1 Điều 142 của Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp này xem như người đại diện theo pháp luật của Công ty QT đã công nhận hợp đồng. Như vậy nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Về số tiền mua hàng phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số 37/HĐNT/2018/ICCI-415 ngày 01/4/2018.

Thực hiện hợp đồng, Công ty QT đã giao hàng theo các phiếu giao hàng ngày 17/12/2018, 05/10/2018, 22/8/2018 và đã xuất các Hóa đơn GTGT số 0000517 ngày 17/12/2018, số 0000284 ngày 23/10/2018, số 0000071 ngày 30/8/2018. Tổng số tiền mua hàng là 377.850.000 đồng.

Theo Văn bản xác nhận số dư ngày 04/02/2021, Công ty B xác nhận còn nợ tính đến ngày 31/12/2019 và ngày 04/02/2020 là 377.850.000 đồng.

Các chứng cứ này đã được Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận đã tiến hành công khai tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và đã được thông

báo cho Công ty B biết. Và từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay Công ty B không có ý kiến gì.

Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 50 của Luật Thương mại, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở xác định Công ty B còn nợ số tiền mua hàng 377.850.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số 37/HĐNT/2018/ICCI-415 ngày 01/4/2018.

[3.3] Về số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 05/7/2023 là 110.862.240 đồng.

Theo mục [3.2], Công ty B có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ 377.850.000 đồng.

[3.3.1] Theo trình bày của đại diện nguyên đơn, tại điểm b khoản 1.7 Điều 1 của hợp đồng, Công ty B có thể thanh toán theo hai phương thức:

+ Phương án 1: Thanh toán ngay 100% giá trị đơn hàng trước khi giao hàng.

+ Phương án 2: Ngay sau khi ký hợp đồng, Công ty B cung cấp thư bảo lãnh Ngân hàng, hạn mức bảo lãnh cân đối theo số lượng hàng dự kiến sử dụng. Công ty QT chỉ giao hàng khi có thư bảo lãnh của Ngân hàng và sẽ cung cấp số lượng hàng hóa theo hạn mức bảo lãnh. Công ty B thanh toán tiền mua hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.

Thực tế Công ty B không cung cấp cho Công ty QT thư bảo lãnh của ngân hàng nào và hai bên đã thực hiện giao dịch mua bán theo phương án thanh toán thứ nhất. Công ty QT đã giao hàng cho Công ty B vào các ngày 17/12/2018, 05/10/2018, 22/8/2018. Ngay sau đó, Công ty QT đã xuất các hóa đơn GTGT vào các ngày 17/12/2018, ngày 23/10/2018, ngày 30/8/2018 tương ứng với từng phiếu giao hàng.

Theo bảng tính lãi chậm thanh toán, Công ty B chỉ tính thời hạn chậm thanh toán từ ngày 01/01/2019, là thời điểm sau khi giao hàng và xuất hóa đơn đợt cuối cùng.

[3.3.2] Tại điểm c khoản 1.7 Điều 7 của hợp đồng, nếu Công ty B không thanh toán đúng hạn thì Công ty B phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam quy định tại thời điểm quá hạn nhưng không được quá 10 ngày.

Như vậy hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi chậm thanh toán. Trường hợp này, Công ty QT được quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán theo Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

Theo kết quả xác minh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, lãi suất cho vay tại thời điểm 30/8/2028, 23/10/2018, 17/12/2018, 01/01/2019 và thời điểm hiện nay là 10%/năm.

Tuy nhiên tại phiên tòa, số tiền lãi chậm thanh toán là 110.862.240 đồng tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 05/7/2023, Công ty QT chỉ áp dụng mức lãi suất chậm thanh toán là 6,5%/năm đối với số tiền mua hàng còn nợ là 377.850.000 đồng, thấp hơn mức lãi suất trên. Điều này có lợi cho Công ty B.

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử nhận thấy cách tính lãi chậm thanh toán này là phù hợp, chấp nhận số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 05/7/2023 là 110.862.240 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc số 37/HĐNT/2018/ICCI-415 ngày 01/4/2018.

[4] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Công ty B phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 23.548.490 đồng.

Công ty QT không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 12.221.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0029635 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 142 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 24, Điều 50 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Tư vấn Xây dựng QT.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Tư vấn Xây dựng QT số tiền mua hàng còn thiếu là 377.850.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 05/7/2023 là 110.862.240 đồng (Một trăm mười triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm bốn

mười đồng) phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số 37/HĐNT/2018/ICCI-415 ngày 01/4/2018. Tổng cộng là 488.712.240 đồng (Bốn trăm tám mươi tám triệu bảy trăm mười hai nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc số 37/HĐNT/2018/ICCI-415 ngày 01/4/2018.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư B phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 23.548.490 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Tư vấn Xây dựng QT không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 12.221.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm hai mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0029635 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Tư vấn Xây dựng QT được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THA DS Q.PN;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Đăng Hà